

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục 2

BẢNG DỰ TOÁN KINH PHÍ TOÀN KHÓA VÀ PHÂN KỲ KINH PHÍ ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2020/NĐ-CP - NĂM 2024

(Đính kèm Kế hoạch số /KH-SGDĐT ngày /8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

Cấp học	Số lượng	Kinh phí đào tạo năm 2024				Kinh phí đào tạo năm 2025				Kinh phí đào tạo năm 2026				Kinh phí đào tạo năm 2027				Kinh phí đào tạo năm 2028				Tổng	Bình quân kinh phí 01 sinh viên cho toàn khóa học
		HP 01 tháng	Số tháng học/năm	Kinh phí hỗ trợ theo ND 116/ND-CP/người (Triệu đồng)=3,63 x Số tháng đào tạo	Thành tiền: (6) = (2)*(3)*(4) + (2)*(4)*(5)	HP 01 tháng	Số tháng học/năm	Kinh phí hỗ trợ theo ND 116/ND-CP/người (Triệu đồng)=3,63 x Số tháng đào tạo	Thành tiền: (6) = (2)*(3)*(4) + (2)*(4)*(5)	HP 01 tháng	Số tháng học/năm	Kinh phí hỗ trợ theo ND 116/ND-CP/người (Triệu đồng)=3,63 x Số tháng đào tạo	Thành tiền: (6) = (2)*(3)*(4) + (2)*(4)*(5)	HP 01 tháng	Số tháng học/năm	Kinh phí hỗ trợ theo ND 116/ND-CP/người (Triệu đồng)=3,63 x Số tháng đào tạo	Thành tiền: (6) = (2)*(3)*(4) + (2)*(4)*(5)	HP 01 tháng	Số tháng học/năm	Kinh phí hỗ trợ theo ND 116/ND-CP/người (Triệu đồng)=3,63 x Số tháng đào tạo	Thành tiền: (6) = (2)*(3)*(4) + (2)*(4)*(5)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(3)	(4)	(5)	(6)	(3)	(4)	(5)	(6)	(3)	(4)	(5)	(6)	(3)	(4)	(5)	(6)		
Mầm non CD	120	1,41	3	3,63	1.814,4	1,59	10	3,63	6.264,0	1,79	10	3,63	6.504,0	1,79	7	3,63	4.552,8					19.135,2	159,46
Mầm non ĐH	366	1,41	3	3,63	5.533,9	1,59	10	3,63	19.105,2	1,79	10	3,63	19.837,2	1,79	10	3,63	19.837,2	1,79	7	3,63	13.886,0	78.199,6	213,66
Tiểu học (Kể cả 04 chỉ tiêu Giáo dục đặc biệt)	632	1,41	3	3,63	9.555,8	1,59	10	3,63	32.990,4	1,79	10	3,63	34.254,4	1,79	10	3,63	34.254,4	1,79	7	3,63	23.978,1	135.033,1	213,66
THCS& THPT	961	1,41	3	3,63	14.530,3	1,59	10	3,63	50.164,2	1,79	10	3,63	52.086,2	1,79	10	3,63	52.086,2	1,79	7	3,63	36.460,3	205.327,3	213,66
Giáo dục đặc biệt	4	1,41	3	3,63	60,5	1,59	10	3,63	208,8	1,79	10	3,63	216,8	1,79	10	3,63	216,8	1,79	7	3,63	151,8	854,6	213,66
Tổng	2.083				31.495,0				108.732,6				112.898,6				110.947,4				74.476,2	438.549,8	

Bảng chữ: Bốn trăm ba mươi tám tỉ, năm trăm bốn mươi chín triệu, tám trăm nghìn đồng./.

Ghi chú: Trong tổng số 2.083 chỉ tiêu, chia ra

Giáo dục MN (CD)	120
Giáo dục MN (ĐH)	366
Giáo dục TH	632
THCS&THPT	961
Giáo dục đặc biệt	4
Tổng	2083

Dự trù kinh phí căn cứ mức thu học phí theo Quyết định số 324/QĐ-ĐHSG ngày 26/02/2024 của Trường ĐH Sài Gòn (Đính kèm)